

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/KDTM-PT

Ngày: 28-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Đào Thanh Tú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH V

Địa chỉ: 223 N, TT. B, huyện P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đào H - nhân viên kinh doanh công ty là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022); có mặt.

Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: 26 Tôn Thất Đ, phường Nguyễn Thái B, quận 1, TP.H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Văn K - Phó phòng phụ trách phòng nghiệp vụ Công ty Bảo Minh B và ông Nguyễn Hoàng A - Chuyên viên pháp lý Tổng Công ty Cổ phần Bảo M là người đại diện theo ủy quyền. (theo Văn bản ủy quyền số 0818/2022-BM/VP ngày 10/5/2022 và Văn bản ủy quyền bổ sung số 1549/2022-BM/VP ngày 17/8/2022); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Phạm Công L, sinh năm: 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Đồng địa chỉ: 181 Ấp Mỹ A, xã Mỹ Đức T, huyện Cái B, tỉnh T.

3. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Văn T, xã M, huyện P, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải K (viết tắt là Cty Khánh N) do ông Phan Đào H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/8/2018 ông Trương Sĩ K - giám đốc Cty Khánh N ký hợp đồng mua của vợ chồng bà Lê Thị Tuyết L, ông Phạm Công M xe ô tô nhãn hiệu FOTON, loại xe tải có mui, biển số 63C-061.92 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021765 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/7/2015. Hợp đồng mua bán xe đã được công chứng ngày 27/8/2018. Cty Khánh N đã giao đủ tiền cho bà L, ông M và bà L, ông M đã giao xe ô tô và giấy tờ đăng ký xe cho Cty V nhưng Cty V chưa làm thủ tục sang tên theo quy định.

Ngày 12/7/2019 Cty V mua bảo hiểm vật chất xe, hàng hóa trên xe của Công ty B (viết tắt là B) trực thuộc Tổng Công ty cổ phần B (viết tắt là B). B đã cấp Đơn bảo hiểm số VCE/01705478, bảo hiểm xe ô tô tải biển kiểm soát 63C- 061.92, nhãn hiệu FOTON, loại xe tải có mui, đứng tên Lê Thị Tuyết L và người thụ hưởng là Cty V. Thời gian hiệu lực hợp đồng từ ngày 12/7/2019 đến ngày 11/7/2020, phí bảo hiểm là 16.948.000 đồng.

Vào lúc 04 giờ 00 phút ngày 17/8/2019 anh Huỳnh Văn T có giấy phép lái xe hợp lệ là nhân viên của Cty V điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 63C- 061.92 lưu thông trên đường Quốc lộ 1, hướng từ Thành Phố H đi tỉnh B, khi đến Km 1791 + 700QL1, thuộc ấp 6, xã X, huyện X, tỉnh Đ do thiếu quan sát nên anh T điều khiển xe va chạm vào đuôi xe ô tô biển số 37C-197-97 do anh Võ Văn A, địa chỉ: huyện Đ, tỉnh N điều khiển đang đậu đỗ cùng chiều phía trước trong làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ bên phải, gây tai nạn. Hậu quả tai nạn hai xe ô tô bị hư hỏng, xe tải 63C-061.92 bị hư hỏng nặng, anh Huỳnh Văn T và phụ xe Nguyễn Tài D bị thương nặng, vụ tai nạn trên 02 chủ xe đã thỏa thuận xong, không có khiếu nại gì về vụ va chạm giao thông trên.

Sau khi xảy ra tai nạn Công an huyện X, tỉnh Đ đến giải quyết vụ việc đồng thời đưa anh Huỳnh Văn T và phụ xe đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Khu vực L, tỉnh Đ để điều trị, sau đó chuyển vào Thành Phố H điều trị. Công an huyện X xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn là do anh Huỳnh Văn T điều khiển xe thiếu quan sát nên gây tai nạn với xe tải 37C- 197.97. Về dân sự xe 37C 197.97 B đã giải quyết bồi thường xong.

B Đ đã giám định thiệt hại xe, đưa vào garage lập dự toán sửa chữa và được B duyệt giá sửa chữa xe số tiền 495.000.000đ, tiền cứu hộ xe với số tiền 9.900.000đ.

Cty V yêu cầu Bảo Minh bồi thường số tiền trên nhưng B từ chối bồi thường với lý do lái xe Huỳnh Văn T điều khiển xe ô tô có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật. Trong khi đó, Công văn số 4855/SYT - NV ngày 20/08/2020 của Sở y tế tỉnh Đ kết luận nồng độ cồn trong máu của anh Huỳnh Văn T 0,25mmol/l là nhỏ hơn trị số bình thường, có nghĩa là vào thời điểm xét nghiệm ngày 17/8/2019 (Ngày xảy ra tai nạn giao thông) anh Huỳnh Văn T là người bình thường không có triệu chứng lâm sàng nào do tác dụng của rượu bia gây ra.

Cty V yêu cầu B bồi thường số tiền bảo hiểm xe 63C-061.92, tổng cộng 505.900.000đ (trong đó: chi phí sửa xe 495.000.000đ, tiền cứu hộ xe là: 9.900.000đ)

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B - Người đại diện theo ủy quyền là ông T và bà Nguyễn Lê Nam P trình bày:

B B trực thuộc B. B phân quyền cho B B được ký kết các hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới do B B khai thác.

Ngày 12/7/2019, B B đã cấp Đơn bảo hiểm số VCE/01705478 cho bà Lê Thị Tuyết L, cụ thể như sau: Đối tượng bảo hiểm: Xe 63C-061.92; mức trách nhiệm bảo hiểm: Thiệt hại vật chất xe trong 1 vụ 800.000.000đồng; Trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa được chở trên xe: 20.000.000đồng; Điều kiện bảo hiểm: Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018; Thời hạn bảo hiểm: Từ ngày 12/7/2019 đến ngày 11/7/2020.

Ngày 17/8/2019, anh Huỳnh Văn T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-061.92 lưu thông trên quốc lộ 1. Khi đến địa phận huyện Xuân Lộc, tỉnh Đ đã đâm vào đuôi xe ô tô biển kiểm soát 37C-197.97 do lái xe Võ Văn A, trú tại huyện Đ, N điều khiển, đang đậu đỗ cùng chiều phía trước, trong làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ bên phải. Hậu quả tai nạn hai xe ô tô bị hư hỏng.

B đã chỉ định Công ty cổ phần thẩm định - giám định C thực hiện việc giám định để xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại để làm cơ sở xem xét giải quyết bồi thường. Theo đó, nguyên nhân tổn thất là do anh Huỳnh Văn T điều khiển xe ô tô tải biển số 63C-061.92 không chú ý quan sát.

Theo Thông báo duyệt giá sửa chữa xe ô tô tải biển số 63C-061.92 ngày 12/12/2019 của Tổng công ty cổ phần B là 495.000.000đồng. Riêng chi phí cầu kéo chủ xe cung cấp hóa đơn chứng từ là 15.000.000đồng và B Đ đã duyệt giá 9.900.000đồng nhưng Tổng Công ty B chưa duyệt giá.

Theo phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu ngày 17/8/2019 của anh Huỳnh Văn T được thực hiện ngay sau khi xảy ra tai nạn tại Bệnh viện đa khoa khu vực L, kết quả xét nghiệm là 0,25mmol/l (tương đương 1.2mg/dl).

Công ty V yêu cầu B bồi thường số tiền sửa chữa xe 63C-061.92 nhưng BMinh đã lần lượt có các Công văn số 01327/2020-BM/XCG ngày 18/6/2020, Công văn số

01014/2020-BM/XCG ngày 21/5/2020, Công văn số 02027/2020-BM/XCG ngày 31/8/2020 và Công văn số 2387/2019-BM/XCG ngày 12/12/2019 thông báo từ chối bồi thường sự cố liên quan đến xe 63C-061.92.

Căn cứ khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008; khoản 4 Điều 17 Quy tắc, điều khoản bảo hiểm ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần B và theo phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu ngày 17/8/2019 của anh Huỳnh Văn T được thực hiện ngay sau khi xảy ra tai nạn tại Bệnh viện đa khoa khu vực L, kết quả xét nghiệm là 0,25mmol/l (tương đương 1.2mg/dl). Như vậy tại thời điểm điều khiển xe 63C-061.92 gây tai nạn lái xe Huỳnh Văn T đang trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu là trường hợp vi phạm pháp luật nên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường bảo hiểm của B.

B không đồng ý bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe ô tô 63C-061.92 là 495.000.000đồng và tiền cứu hộ xe với số tiền là: 9.900.000đồng, tổng cộng 504.900.000đồng cho Cty V vì lý do lái xe Huỳnh Văn T đã lái xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở theo kết quả xét nghiệm ngày 17/08/2019 là lái xe có nồng độ cồn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T trình bày:

- Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn T trình bày:

Anh có giấy phép lái xe hạng FC và ký hợp đồng lái xe cho Cty V. Vào chiều ngày 16/08/2019, anh điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 63C-061.92 của Cty V nhận hàng lên xe tại huyện C, tỉnh T bốc hàng xong khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, bắt đầu khởi hành đi hướng từ Nam ra Bắc. Đến 4 giờ 00 ngày 17/8/2019 tại địa phận Km 1791+700 quốc lộ 1A, thuộc ấp 6, xã X, huyện X, tỉnh Đ. Do thiếu quan sát nên đã xảy ra va chạm vào đuôi xe ô tô 37C-197.97 đậu cùng chiều phía trước bên phải. Hậu quả tai nạn: 2 xe hư hỏng, anh bị thương nặng lái phụ xe cũng bị thương được bà con ở địa phương đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực L sau đó chuyển vào Thành Phố H để điều trị. Hai xe ô tô được Công an huyện X và B đến hiện trường vụ tai nạn giao thông để điều tra làm rõ nguyên nhân.

Công an huyện X kết luận nguyên nhân xảy ra tai nạn là do anh điều khiển xe thiếu quan sát gây tai nạn với xe tải 37C- 197.97. Công an huyện X không có kết luận anh có nồng độ cồn trong máu.

Trong nhiều ngày trước anh ở tại C - T chờ nhận hàng cũng như thời gian điều khiển phương tiện anh hoàn toàn không có uống rượu, bia hay chất kích thích nào khác. Căn cứ kết luận nồng độ cồn trong máu số: 4855/SYT - NV ngày 20/8/2020 của Sở Y Tế tỉnh Đ thì kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của anh tại Bệnh viện đa khoa khu vực L là 0,25mmol/l (1,2mg/dl) nhỏ hơn trị số bình thường, có nghĩa là vào thời điểm xét nghiệm ngày 17/8/2019 (Ngày xảy ra tai nạn giao thông) anh là

người bình thường không có triệu chứng lâm sàng nào do tác dụng của rượu bia gây ra.

Nay Cty V yêu cầu B bồi thường tiền bảo hiểm sửa chữa xe ô tô 63C-061.92 là 495.000.000đ và tiền cứu hộ xe là 9.900.000đ, tổng cộng 504.900.000đ, anh đề nghị Tòa xử theo quy định của pháp luật.

- *Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 23/5/2022 bà Lê Thị Tuyết Lan và ông Phạm Công M trình bày:*

Ngày 27/8/2018 tại Văn Phòng Công chứng M, Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T, ông bà ký hợp đồng mua bán với Cty V do ông Trương Sĩ K giám đốc làm đại diện. Theo hợp đồng, vợ chồng bà bán xe ô tô biển số 63C-061.92 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021765 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp ngày 06/7/2015, xe nhãn hiệu FOTON, loại xe tải có mui cho Cty V giá 200.000.000đ. Hợp đồng mua bán xe đã được công chứng cùng ngày 27/8/2018. Ông bà đã nhận đủ tiền và ông bà đã giao xe, giấy tờ đăng ký xe cho ông K. Cty V có trách nhiệm làm thủ tục sang tên xe theo quy định của pháp luật. Từ ngày 27/8/2018 trở đi, Cty V là chủ sở hữu hợp pháp xe ô tô biển kiểm soát số 63C-061.92 và ông bà không còn liên quan đến xe này nữa.

Đối với việc Cty V yêu cầu B bồi thường tiền bảo hiểm xe ô tô biển kiểm soát 63C-061.92, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp.Q, tỉnh B quyết định:

Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải có nghĩa vụ bồi thường tiền bảo hiểm xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-061.92 cho Công ty TNHH V số tiền 504.900.000đồng (Năm trăm linh bốn triệu, chín trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, bị đơn Tổng Công ty cổ phần B kháng cáo không chấp nhận bồi thường tiền bảo hiểm xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-061.92 cho Công ty TNHH V số tiền 504.900.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B kháng cáo không chấp nhận bồi thường tiền bảo hiểm xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-061.92 cho Công ty TNHH V số tiền 504.900.000đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Ngày 12/7/2019, B B đã cấp Đơn bảo hiểm số VCE/01705478 bảo hiểm xe 63C-061.92, thời hạn bảo hiểm: Từ ngày 12/7/2019 đến ngày 11/7/2020, người thụ hưởng: Cty V.

[1.2] Vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 17/8/2019, anh Huỳnh Văn T là nhân viên của Cty V, có giấy phép lái xe hạng FC, điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 63C- 061.92 lưu thông trên đường Quốc lộ 1, hướng từ Thành Phố H đi tỉnh Bình Thuận. Khi đến Km 1791 + 700 Quốc lộ 1, thuộc ấp 6, xã X, huyện X, tỉnh Đ xe 63C- 061.92 đã va chạm vào đuôi xe ô tô tải biển số 37C-197.97 đang dừng cùng chiều phía trước, trong làn đường dành cho xe xe thô sơ và người đi bộ bên phải gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả: hai xe ô tô bị hư hỏng.

[1.3] Theo Thông báo kết quả điều tra vụ tai nạn giao thông số 77/TBĐT-GT ngày 05/9/2019 của Công an huyện X, tỉnh Đ nguyên nhân xảy ra tai nạn do anh Huỳnh Văn T điều khiển xe ô tô tải biển số 63C-061.92 không chú ý quan sát gây ra. Và tại Công văn số 4855/SYT-NV ngày 20/8/2020 của Sở Y Tế tỉnh Đ kết luận: Tại thời điểm xét nghiệm anh Huỳnh Văn T là người bình thường, không có triệu chứng lâm sàng nào do tác dụng của rượu bia gây ra. Do đó, không có cơ sở xác định tài xế vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ “*điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ*”.

Hơn nữa, Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của anh T là 0,25mmol/l (1,2mg/dl), nhỏ hơn trị số bình thường theo Quyết định số 320/QĐ-BYT ngày 23/01/2014 của Bộ Y Tế là 10,9mmol/l (50mg/dl). Do đó, không có cơ sở xác định tài xế vi phạm khoản 4 Điều 17 Quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần B ban hành kèm theo Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới “*Lái xe đang điều khiển trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành*”.

Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc B bồi thường cho Cty V số tiền 504.900.000đ căn cứ theo Thông báo duyệt giá giám định thiệt hại ngày 12/12/2019 của B là đúng quy định tại các Điều 12, 16, 17, 18, 29, 46, 47 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 2.000.000đ.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 16, 17, 18, 29, 46, 47 của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 91/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp.Q, tỉnh B.

1. Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh phải có nghĩa vụ bồi thường tiền bảo hiểm xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-061.92 cho Công ty TNHH V số tiền 504.900.000đ (Năm trăm linh bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về án phí KDTM-PT: Tổng Công ty cổ phần B phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 2.000.000 (Hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004497 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Q.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND Tp.Q;
- CCTHADS Tp.Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thu